

Số: **246**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp
(dữ liệu Chăn nuôi và Thú y) tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018, Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 572/TTr-SNNPTNT ngày 12/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp (dữ liệu Chăn nuôi và Thú y) tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

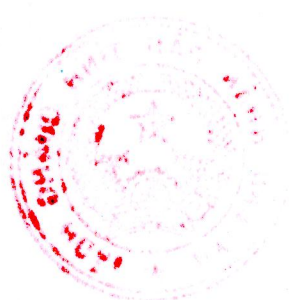
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng N/cứu;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.ph45



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

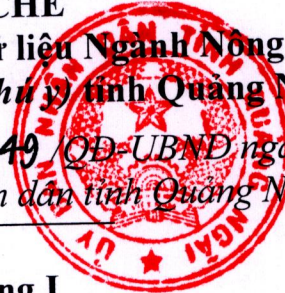
Trần Phước Hiền



QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp
(dữ liệu Chăn nuôi và Thú y) tỉnh Quảng Ngãi**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **249**/QĐ-UBND ngày **19**/02/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu Ngành Nông nghiệp (dữ liệu Chăn nuôi và Thú y) tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Hệ thống Cơ sở dữ liệu).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan trên địa bàn tỉnh có sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu.

3. Tổ chức, cá nhân có sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu.

Điều 3. Mục đích ban hành quy chế

1. Bảo đảm công tác quản lý, vận hành, khai thác được thống nhất, có hiệu quả và an toàn thông tin Hệ thống Cơ sở dữ liệu trên môi trường mạng.

2. Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm thực hiện của các bên trong công tác phối hợp về cập nhật, khai thác dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) là tập hợp thông tin được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin của cơ quan, đơn vị và phục vụ lợi ích công cộng.

2. Tài khoản (user name) và mật khẩu (password) đăng nhập được cấp cho mỗi đơn vị sử dụng để truy cập và sử dụng Hệ thống CSDL.

Điều 5. Địa chỉ truy cập và thiết bị truy cập Hệ thống Cơ sở dữ liệu

1. Địa chỉ truy cập vào Hệ thống CSDL:

a) Địa chỉ truy cập dành cơ quan đơn vị quản lý:
<https://qldhnn.quangngai.gov.vn>

b) Địa chỉ truy cập dành cho các đơn vị, Doanh nghiệp, tổ chức, người dân khai thác dữ liệu: *<https://csdlnn.quangngai.gov.vn>*

2. Thiết bị truy cập của cơ quan đơn vị phải được kết nối internet.

Điều 6. Tài khoản sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu

1. Tài khoản quản trị

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi được cấp 01 tài khoản quản trị có toàn quyền để thực hiện việc quản trị mức cao nhất, hỗ trợ người sử dụng quản trị Hệ thống CSDL.

2. Tài khoản sử dụng

UBND cấp huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã, phường, thị trấn có sử dụng Hệ thống CSDL: Được cấp mỗi cơ quan, đơn vị 01 tài khoản sử dụng.

3. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng

a) Trong quá trình vận hành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về bảo mật tài khoản được cấp, phải quy định trách nhiệm cho cá nhân cụ thể trong việc quản lý, sử dụng tài khoản.

b) Trường hợp người được phân công quản lý, sử dụng tài khoản thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu phải thực hiện bàn giao tài khoản sử dụng cho người được phân công tiếp nhận công việc.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản trên Hệ thống CSDL phải sử dụng, quản lý tài khoản được cấp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Các Cơ sở dữ liệu quản lý trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu;

1. Quản lý CSDL về tổng đàn Chăn nuôi;
2. CSDL về cơ sở Chăn nuôi;
3. CSDL về dịch bệnh động vật (bao gồm cả thủy sản);
4. CSDL vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;
5. CSDL về Kiểm dịch;
6. CSDL về cơ sở giết mổ động vật;

7. CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc thú y;
8. CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thức ăn chăn nuôi...

Điều 8. Quy định việc cập nhật và tần suất cập nhật thông tin

UBND cấp huyện chủ trì thực hiện và chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thu thập số liệu và cập nhật vào CSDL gồm:

- a) Quản lý CSDL về tổng đàn Chăn nuôi;
- b) CSDL về cơ sở Chăn nuôi;
- c) CSDL về dịch bệnh động vật (bao gồm cả thủy sản);
- d) CSDL vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;
- đ) CSDL về kiểm dịch;
- e) CSDL về cơ sở giết mổ động vật;
- g) CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc thú y;
- h) CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thức ăn chăn nuôi...

Thời gian cập nhật CSDL 06 tháng 01 lần (06 tháng đầu năm cập nhật trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, 06 tháng cuối năm trước ngày 30 tháng 12).

Điều 9. Hình thức cập nhật dữ liệu và báo cáo

1. Các đối tượng thuộc phạm vi triển khai Hệ thống CSDL thực hiện cập nhật dữ liệu bằng cách nhập trực tiếp trên Hệ thống CSDL sau đó đăng tải trên Hệ thống CSDL.

2. Thông tin, dữ liệu sau khi được công chức của các cơ quan, ban ngành các cấp: huyện, thị xã, thành phố cập nhật vào Hệ thống CSDL cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của lãnh đạo cấp trên. Các cơ quan, ban ngành các cấp: huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm về dữ liệu của mình trên Hệ thống CSDL, có sự đồng nhất về số liệu cập nhật vào Hệ thống CSDL và báo cáo được ban hành.

Điều 10. Công khai dữ liệu

Các dữ liệu tự động công khai trong Hệ thống CSDL gồm: CSDL về tổng đàn Chăn nuôi, CSDL về cơ sở Chăn nuôi, CSDL về dịch bệnh động vật (bao gồm cả thủy sản); CSDL vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; CSDL về kiểm dịch; CSDL về cơ sở giết mổ động vật; CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc thú y; CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thức ăn chăn nuôi...

Điều 11. Khai thác thông tin, số liệu thông qua Hệ thống Cơ sở dữ liệu

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh làm đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong Hệ thống CSDL nhằm cung cấp thông tin về quản lý CSDL về tổng đàn Chăn nuôi, CSDL về cơ sở Chăn nuôi, CSDL về dịch bệnh động vật (bao gồm cả thủy sản); CSDL vùng, cơ sở an

toàn dịch bệnh động vật; CSDL về kiểm dịch; CSDL về cơ sở giết mổ động vật; CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thuốc thú y; CSDL về cơ sở sản xuất, buôn bán thức ăn chăn nuôi...

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia cung cấp, cập nhật thông tin, sử dụng Hệ thống CSDL được phân quyền cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình. Việc phân quyền, cho phép khai thác thông tin dữ liệu từ Hệ thống CSDL do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

3. Không được phép sử dụng dữ liệu từ Hệ thống CSDL vào mục đích kinh doanh mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Điều 12. Thực hiện quản trị danh mục hệ thống

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh thực hiện quản lý vai trò của người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu và các cấu hình danh mục để vận hành hệ thống.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo Hệ thống CSDL hoạt động thông suốt.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm và các sở, ban ngành có liên quan trong việc hướng dẫn vận hành, sử dụng Hệ thống CSDL; Nghiên cứu giải pháp nâng cấp, cập nhật phần mềm và xây dựng ứng dụng trên điện thoại thông minh (App mobile) để phổ biến rộng rãi đến các cấp chính quyền và người dân trong tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm an toàn cho Hệ thống CSDL theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

d) Tiếp nhận yêu cầu từ các địa phương, cơ quan, đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng Hệ thống CSDL về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình sử dụng Hệ thống CSDL; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập Hệ thống CSDL.

đ) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác các chức năng theo quy định vào Hệ thống CSDL.

e) Đôn đốc các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào Hệ thống CSDL.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả việc cập nhật, khai thác và quản lý, vận hành Hệ thống CSDL.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Phân công công chức cán bộ phụ trách công tác Chăn nuôi và Thú y của địa phương để quản lý tài khoản Hệ thống CSDL được cung cấp.

b) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định về các thông tin, dữ liệu vào Hệ thống CSDL thuộc địa bàn quản lý.

c) Đôn đốc các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào Hệ thống CSDL.

d) Chịu trách nhiệm đối với các thông tin, dữ liệu được cập nhật, cung cấp trên Hệ thống CSDL.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các địa phương, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, sở, ban, ngành có liên quan và các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./
